

THỊ TRƯỜNG CƠ SỞ

VN-Index giằng co trong vùng 1,733 – 1,766 trước khi đóng cửa tại mốc 1,758.96 điểm, tăng gần 9 điểm so với phiên trước đó. Độ rộng thị trường khá cân bằng với 9/18 ngành tăng điểm, trong đó ngành Bất động sản tăng mạnh nhất, theo sau là ngành Truyền thông,... Về giao dịch của khối ngoại, hôm nay khối này bán ròng trên cả ba sàn HSX, HNX và UPCOM. Thị trường thiếu sự đồng thuận khi giằng co trong biên độ lớn; thanh khoản thấp cho thấy tâm lý nhà đầu tư còn e dè. Trong giai đoạn này, nhà đầu tư nên thận trọng khi giao dịch.

HỢP ĐỒNG TƯƠNG LAI

Các HĐTL VN30 tăng cùng chiều với vận động của chỉ số VN30.

CHỨNG QUYỀN

Trong phiên giao dịch 13/04/2026, phần lớn các chứng quyền giảm.

ĐIỂM NHẤN

- VN-Index **+8.96** điểm, đóng cửa tại **1758.96** điểm. HNX-Index **-0.25** điểm, đóng cửa tại **251.66** điểm.
- Kéo chỉ số tăng: **VIC (+14.36)**, **VHM (+1.60)**, **BSR (+0.65)**, **GEX (+0.29)**, **VPX (+0.29)**.
- Kéo chỉ số giảm: **VCB (-1.05)**, **GVR (-0.86)**, **LPB (-0.83)**, **VPB (-0.67)**, **BID (-0.66)**.
- Giá trị khớp lệnh của VN-Index đạt **19,579** tỷ đồng, giảm **-11.43%** so với phiên trước. Tổng giá trị giao dịch đạt mức **22,555** tỷ đồng.
- Biên độ dao động: **32.49** điểm. Thị trường có **137** mã tăng, **63** mã tham chiếu, **171** mã giảm.
- Giá trị bán ròng của khối ngoại: **-97.96** tỷ đồng trên sàn HOSE, gồm **FPT (-91.99 tỷ)**, **VCB (-70.61 tỷ)**, **VPB (-61.53 tỷ)**, **VHM (-58.19 tỷ)**, **BID (-53.34 tỷ)**. Khối ngoại bán ròng trên sàn HNX với giá trị **-24.93** tỷ đồng.

DIỄN BIẾN BSC30, BSC50

- BSC30 **-0.06%**. Các mã diễn biến tích cực:
HCM (+2.37%) ([Link báo cáo](#))
BSR (+2.24%) ([Link báo cáo](#))
VIB (+1.72%) ([Link báo cáo](#))
- BSC50 **+0.22%**. Các mã diễn biến tích cực:
TCM (+6.84%) ([Link báo cáo](#))
VIC (+5.47%) ([Link báo cáo](#))
GEX (+3.62%) ([Link báo cáo](#))

Hiệu suất các chỉ số

	BSC30	BSC50	VN Index	VN30 Index
1 ngày	-0.06%	0.22%	0.51%	-0.13%
1 tuần	5.06%	5.08%	5.01%	4.87%
1 tháng	2.33%	2.37%	3.88%	3.92%
3 tháng	-3.45%	-0.08%	-6.31%	-7.43%

Nguồn: FiinPro-X, BSC

Tổng quan thị trường trong nước

	VNI	HNX	UPCOM
Điểm	1,758.96	251.66	127.70
% 1D	0.51%	-0.10%	0.25%
GTKL (tỷ VND)	19,579	1,391	309
%1D	-11.43%	-8.22%	-45.82%
GDNN (tỷ VND)	-97.96	-24.93	-0.35

Nguồn: FiinPro-X, BSC tổng hợp

Chi tiết giao dịch khối ngoại

Top mua	Giá trị	Top bán	Giá trị
VNM	79.09	FPT	-91.99
VIC	64.17	VCB	-70.61
HPG	37.67	VPB	-61.53
GEE	36.11	VHM	-58.19
HCM	31.66	BID	-53.34

Nguồn: FiinPro-X, BSC tổng hợp

Thị trường thế giới

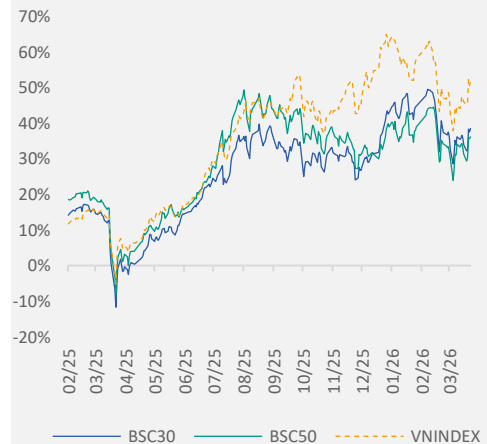
		%D	%W
SPX	6,817	-0.11%	3.56%
FTSE100	10,563	-0.35%	1.22%
Eurostoxx	5,867	-1.39%	3.07%
Shanghai	3,989	0.06%	2.80%
Nikkei	56,503	-0.74%	5.97%

Nguồn: Vietstock.vn, BSC tổng hợp

	Giá trị	%
Hàng hóa		
Giá dầu Brent	102.18	7.33%
Giá vàng	4,726	-0.50%
Tỷ giá		
USD/VND	26,342	0.04%
EUR/VND	30,784	-0.27%
JPY/VND	165	-0.20%
Lãi suất		
LS TPCP 10Y	4.2%	0.00%
LS LNHH 1M	7.1%	0.01%

Nguồn: FiinPro-X, BSC tổng hợp

Hiệu suất BSC30, BSC50



Nguồn: BSC

Mục lục

Tổng quan thị trường	Trang 1
Thống kê thị trường	Trang 2
Danh mục BSC30	Trang 3
Danh mục BSC50	Trang 4
Báo cáo mới nhất	Trang 5
Khuyến cáo sử dụng	Trang 6



Mở tài khoản tại BSC

THỐNG KÊ THỊ TRƯỜNG

Top 5 cổ phiếu tác động tăng lên VN-Index

	Giá	%	Index pt	KLGD (Tr.CP)
VIC	160.00	5.47%	14.36	4.20
VHM	122.90	1.49%	1.60	4.57
BSR	27.35	2.24%	0.65	13.45
GEX	41.55	3.62%	0.29	14.98
VPX	28.95	2.48%	0.29	1.35

Top 5 cổ phiếu tác động tăng lên HNX-Index

	Giá	%	Index pt	KLGD (Tr.CP)
NVB	11.50	3.60%	0.46	0.30
VIF	16.40	2.50%	0.08	0.01
CEO	17.30	1.17%	0.07	15.14
SCG	64.70	0.78%	0.02	0.02
KSV	156.20	0.13%	0.02	0.03

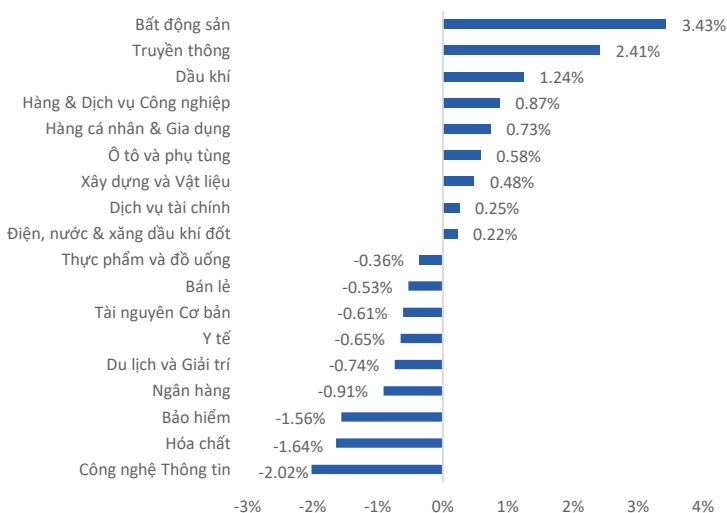
Top 5 cổ phiếu tăng mạnh nhất trên HSX

	Giá	%	Index pt	KLGD (Tr.CP)
HSL	5.35	7.00%	0.00	0.61
VVS	113.30	6.99%	0.03	0.16
SMA	8.50	6.92%	0.00	0.00
TCM	24.20	6.84%	0.04	2.64
CII	19.80	6.74%	0.18	42.75

Top 5 cổ phiếu tăng mạnh nhất trên HNX

	Giá	%	Index pt	KLGD (Tr.CP)
NAP	11.00	10.00%	0.01	0.00
BXH	13.50	9.76%	0.00	0.02
SFN	24.90	9.21%	0.00	0.00
HAT	34.00	8.97%	0.00	0.00
CTT	17.30	8.81%	0.00	0.00

**Hình 1
Diễn biến ngành cấp 2**



Nguồn: FiinPro-X, BSC tổng hợp

Top 5 cổ phiếu tác động giảm lên VN-Index

	Giá	%	Index pt	KLGD (Tr.CP)
VCB	59.20	-1.00%	-1.05	5.26
GVR	32.60	-3.12%	-0.86	3.75
LPB	47.95	-2.74%	-0.83	3.88
VPB	26.90	-1.47%	-0.67	21.85
BID	40.35	-1.10%	-0.66	5.80

Top 5 cổ phiếu tác động giảm lên HNX-Index

	Giá	%	Index pt	KLGD (Tr.CP)
DHT	72.60	-3.20%	-0.12	0.02
HHC	98.80	-9.94%	-0.09	0.01
PVS	39.30	-0.76%	-0.09	2.82
MBS	20.60	-0.96%	-0.08	3.93
BCF	42.90	-6.74%	-0.06	0.00

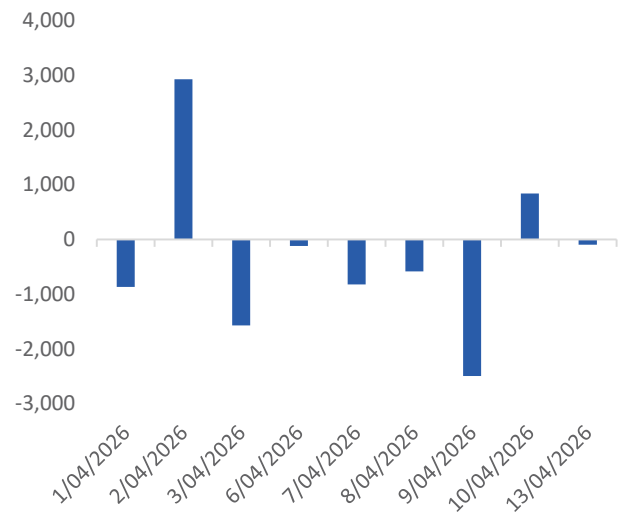
Top 5 cổ phiếu giảm mạnh nhất trên HSX

	Giá	%	Index pt	KLGD (Tr.CP)
VCA	6.80	-6.21%	0.00	0.01
VDP	55.50	-5.93%	-0.02	0.00
ADG	8.61	-4.12%	0.00	0.00
DAT	8.15	-4.12%	-0.01	0.00
VCF	290.00	-3.33%	-0.06	0.00

Top 5 cổ phiếu giảm mạnh nhất trên HNX

	Giá	%	Index pt	KLGD (Tr.CP)
HHC	98.80	-9.94%	-0.08	0.01
BAX	30.30	-9.82%	-0.01	0.00
TKU	12.10	-9.70%	0.00	0.01
NHC	20.00	-9.09%	0.00	0.00
KSD	4.50	-8.16%	0.00	0.00

**Hình 2
Giao dịch khối ngoại**



Nguồn: FiinPro-X, BSC tổng hợp

DANH MỤC BSC30

Cổ phiếu	Ngành	Đóng cửa (nghìn VNĐ)	% Ngày	Beta	Vốn hóa (tỷ VNĐ)	Thanh khoản (tỷ VNĐ)	EPS (VNĐ)	P/E	Giá mục tiêu (nghìn VNĐ)	NN sở hữu	Link tải báo cáo
MWG	Bán lẻ	81.3	-0.3%	1.2	119,383	425.0	4,775	17.0	113.0	48.6%	Link
KBC	Bất động sản	34.0	0.2%	1.4	32,020	129.5	2,450	13.9	46.0	9.2%	Link
KDH	Bất động sản	26.2	0.0%	1.2	29,402	102.1	936	28.0	39.9	28.4%	Link
PDR	Bất động sản	16.5	0.6%	1.4	16,464	171.5	531	31.1	28.2	6.4%	Link
VHM	Bất động sản	122.9	1.5%	1.2	504,801	555.5	10,200	12.1	119.6	8.8%	Link
FPT	Công nghệ Thông tin	76.0	-2.2%	0.7	129,467	758.5	5,515	13.8	124.4	32.8%	Link
BSR	Dầu khí	27.4	2.2%	0.0	136,950	368.0	1,041		-	1.7%	Link
PVS	Dầu khí	39.3	-0.8%	1.4	20,099	111.9	3,616	10.9	52.3	16.0%	Link
HCM	Dịch vụ tài chính	25.9	2.4%	1.3	27,971	688.6	1,454	17.8		34.9%	Link
SSI	Dịch vụ tài chính	28.4	-0.7%	1.3	70,747	623.8	1,960	14.5		31.7%	Link
VCI	Dịch vụ tài chính	28.1	0.7%	1.1	32,248	268.7	1,311	21.4		20.5%	Link
DCM	Hóa chất	47.0	1.0%	0.8	24,882	150.4	3,702	12.7	40.2	9.5%	Link
DGC	Hóa chất	54.3	0.6%	1.1	20,622	120.6	7,965	6.8	96.7	6.6%	Link
ACB	Ngân hàng	23.8	-0.4%	0.9	121,996	192.5	3,042	7.8	27.1	27.5%	Link
CTG	Ngân hàng	34.8	-0.6%	1.1	270,290	155.7	4,455	7.8	53.5	25.3%	Link
HDB	Ngân hàng	25.9	-1.0%	1.1	129,637	323.8	3,437	7.5	32.7	21.8%	Link
MBB	Ngân hàng	26.5	-0.9%	1.0	213,055	454.6	3,325	8.0	32.4	22.9%	Link
MSB	Ngân hàng	12.8	0.4%	0.9	39,936	206.5	1,804	7.1	14.0	28.8%	Link
STB	Ngân hàng	67.3	0.6%	1.0	126,875	355.5	3,150	21.4		12.5%	Link
TCB	Ngân hàng	31.9	-1.1%	1.2	226,051	381.3	3,577	8.9	43.5	22.5%	Link
TPB	Ngân hàng	16.4	0.3%	1.2	45,356	129.6	2,668	6.1	-	24.5%	Link
VCB	Ngân hàng	59.2	-1.0%	0.9	494,656	311.9	4,210	14.1	75.8	20.2%	Link
VIB	Ngân hàng	17.8	1.7%	0.8	60,421	387.2	2,143	8.3	23.0	5.0%	Link
VPB	Ngân hàng	26.9	-1.5%	1.3	213,423	599.2	3,024	8.9	36.5	24.7%	Link
HPG	Tài nguyên Cơ bản	27.8	-0.7%	1.1	213,378	666.1	2,013	13.8	32.2	22.5%	Link
HSG	Tài nguyên Cơ bản	15.4	0.3%	1.2	9,532	48.9	1,012	15.2	15.7	3.8%	Link
DBC	Thực phẩm và đồ uống	23.1	-0.9%	0.9	8,871	57.2	3,915	5.9	28.8	1.6%	Link
MSN	Thực phẩm và đồ uống	77.0	-1.3%	1.2	111,335	387.7	2,710	28.4	100.4	24.2%	Link
VNM	Thực phẩm và đồ uống	62.8	0.0%	0.6	131,249	214.3	4,503	14.0	78.0	48.9%	Link

Danh mục BSC30 gồm bao gồm 30 công ty có vốn hóa thị trường lớn nhất kèm thanh khoản lớn nhất trên cả ba sàn giao dịch chứng khoán Hồ Chí Minh (HOSE), sàn giao dịch chứng khoán Hà Nội (HNX) và Sàn chứng khoán phi tập trung (Upcom). Các công ty trong BSC30 đại diện cho nhiều lĩnh vực kinh tế quan trọng, bao gồm ngân hàng, chứng khoán, hàng tiêu dùng, bán lẻ, công nghệ, sản xuất, logistic, điện và bất động sản. Các cổ phiếu trong BSC 30 được các chuyên gia BSC đánh giá, chọn lọc trên các tiêu chí hoạt động kinh doanh ổn định, tài chính mạnh mẽ, quản trị hiệu quả và cạnh tranh tốt trên thị trường. Việc đầu tư vào các cổ phiếu trong danh mục BSC30 được xem là một lựa chọn đáng tin cậy cho nhà đầu tư muốn đầu tư vào thị trường chứng khoán Việt Nam. Danh mục BSC30 sẽ được BSC định kỳ công bố hàng quý.

DANH MỤC BSC50

Cổ phiếu	Ngành	Giá đóng cửa (ngìn VNĐ)	% Ngày	Beta	Vốn hóa (tỷ VNĐ)	Thanh khoản (tỷ VNĐ)	EPS (VNĐ)	P/E	NN sở hữu	ROE (%)	Link
DGW	Bán lẻ	45.6	-0.11%	1.2	10,085	44.7	2,492	18.3	23.9%	17.1%	Link
FRT	Bán lẻ	149.0	-1.97%	0.8	25,375	27.6	4,667	31.9	32.7%	26.1%	Link
BVH	Bảo hiểm	75.1	-1.70%	1.0	55,748	41.2	3,821	19.7	27.3%	12.1%	Link
DIG	Bất động sản	14.7	0.69%	1.3	11,668	208.3	987	14.8	2.5%	7.3%	Link
DXG	Bất động sản	15.5	1.31%	1.3	17,186	294.9	231	67.0	20.4%	1.9%	Link
HDC	Bất động sản	19.1	-0.26%	1.4	3,805	58.7	2,559	7.4	2.0%	24.9%	Link
HDG	Bất động sản	28.3	0.89%	1.2	10,451	52.3	2,082	13.6	20.2%	11.9%	Link
IDC	Bất động sản	48.2	-0.41%	1.8	18,292	110.5	5,090	9.5	16.5%	32.0%	Link
NLG	Bất động sản	29.3	0.34%	1.2	14,213	70.4	1,805	16.2	41.3%	6.3%	Link
SIP	Bất động sản	61.5	1.15%	1.0	14,890	14.9	5,464	11.3	2.6%	27.9%	Link
SZC	Bất động sản	29.1	0.69%	1.2	5,229	15.7	1,916	15.2	4.1%	10.9%	Link
TCH	Bất động sản	17.1	0.59%	1.4	15,597	137.3	416	41.1	13.3%	3.0%	Link
VIC	Bất động sản	160.0	5.47%	1.1	1,232,965	655.5	1,468	109.0	3.2%	8.0%	Link
VRE	Bất động sản	27.6	0.18%	1.0	62,602	107.7	2,837	9.7	11.9%	14.3%	Link
CMG	Công nghệ Thông tin	28.9	0.00%	1.1	6,731	5.9	1,700	17.0	37.5%	13.1%	Link
PLX	Dầu khí	40.7	-1.09%	0.8	51,713	124.6	2,106	19.3	14.5%	10.2%	Link
PVD	Dầu khí	34.1	0.59%	0.8	18,956	93.9	1,868	18.3	11.6%	6.4%	Link
FTS	Dịch vụ tài chính	27.8	-0.71%	1.2	9,633	24.5	1,161	23.9	24.9%	9.3%	Link
MBS	Dịch vụ tài chính	20.6	-0.96%	1.5	20,619	81.1	1,848	11.2	0.5%	15.2%	Link
GAS	Điện, nước & xăng dầu khí đốt	80.7	0.00%	0.9	194,725	77.6	4,730	17.1	2.2%	18.0%	Link
POW	Điện, nước & xăng dầu khí đốt	13.1	0.77%	1.1	40,189	142.3	853	15.4	2.8%	7.3%	Link
REE	Điện, nước & xăng dầu khí đốt	66.5	1.06%	0.5	36,020	55.2	4,669	14.2	49.0%	12.7%	Link
VJC	Du lịch và Giải trí	166.8	-0.12%	0.8	98,681	209.9	3,728	44.8	6.4%	10.1%	Link
GEX	Hàng & Dịch vụ Công nghiệp	41.6	3.62%	1.6	37,495	616.4	1,638	25.4	7.2%	9.3%	Link
GMD	Hàng & Dịch vụ Công nghiệp	73.3	0.96%	1.0	31,262	90.1	4,173	17.6	41.6%	13.8%	Link
HAH	Hàng & Dịch vụ Công nghiệp	54.7	-1.62%	1.0	10,165	38.7	6,723	8.1	4.8%	31.0%	Link
PVT	Hàng & Dịch vụ Công nghiệp	22.5	-0.22%	0.6	10,550	113.5	2,208	10.2	13.4%	12.7%	Link
VTP	Hàng & Dịch vụ Công nghiệp	71.7	-1.78%	1.0	12,399	38.1	3,298	21.7	4.8%	24.1%	Link
PNJ	Hàng cá nhân & Gia dụng	110.0	0.92%	1.2	37,526	79.6	8,350	13.2	48.7%	23.1%	Link
TCM	Hàng cá nhân & Gia dụng	24.2	6.84%	0.9	2,711	62.0	2,402	10.1	48.3%	11.5%	Link
TNG	Hàng cá nhân & Gia dụng	22.9	0.88%	1.7	2,948	30.5	3,172	7.2	22.1%	20.2%	Link
DPM	Hóa chất	29.3	0.69%	0.8	19,922	114.4	1,578	18.6	6.2%	9.6%	Link
GVR	Hóa chất	32.6	-3.12%	1.4	130,400	123.9	1,330	24.5	0.7%	9.7%	Link
EIB	Ngân hàng	23.0	-0.65%	1.2	42,749	996.3	610	37.6	3.1%	4.5%	Link
LPB	Ngân hàng	48.0	-2.74%	0.5	143,240	196.2	3,824	12.5	0.8%	25.2%	Link
NAB	Ngân hàng	13.5	-0.37%	0.5	23,162	20.9	2,438	5.5	0.9%	19.6%	Link
OCB	Ngân hàng	11.5	-0.86%	0.8	30,625	25.1	1,506	7.6	19.6%	12.2%	Link
NKG	Tài nguyên Cơ bản	14.1	-1.05%	1.2	6,311	49.0	461	30.6	5.3%	2.9%	Link
ANV	Thực phẩm và đồ uống	24.4	-2.21%	1.2	6,483	15.5	3,754	6.5	3.9%	31.6%	Link
BAF	Thực phẩm và đồ uống	35.0	0.29%	0.5	10,641	62.5	440	79.6	3.0%	3.6%	Link
SAB	Thực phẩm và đồ uống	45.5	-0.76%	0.5	58,292	20.8	3,449	13.2	58.5%	19.9%	Link
VHC	Thực phẩm và đồ uống	60.5	-1.14%	1.1	13,579	31.8	6,319	9.6	19.6%	15.5%	Link
BMP	Xây dựng và Vật liệu	134.0	0.75%	0.6	10,969	33.9	15,010	8.9	80.7%	44.1%	Link
CTD	Xây dựng và Vật liệu	82.9	1.10%	1.1	8,829	40.2	7,388	11.2	49.0%	8.7%	Link
CTR	Xây dựng và Vật liệu	85.2	-0.47%	1.2	9,746	12.2	5,243	16.3	5.1%	30.5%	Link
DPG	Xây dựng và Vật liệu	44.2	3.39%	1.1	5,242	52.8	3,151	14.0	19.3%	15.6%	Link
HHV	Xây dựng và Vật liệu	12.9	1.18%	1.2	7,058	201.9	1,190	10.8	10.5%	5.8%	Link
PC1	Xây dựng và Vật liệu	27.4	0.00%	1.0	11,249	136.7	2,532	10.8	16.8%	17.3%	Link
VCG	Xây dựng và Vật liệu	22.7	-0.66%	1.0	14,675	320.2	5,670	4.0	2.8%	37.6%	Link
VGC	Xây dựng và Vật liệu	47.2	1.51%	1.4	21,162	58.9	3,130	15.1	2.0%	16.5%	Link

Nguồn: FiinPro-X, BSC

Danh mục BSC50 bao gồm 50 công ty được lựa chọn dựa trên các tiêu chí về thanh khoản trong nhóm 100 mã cổ phiếu có thanh khoản tốt nhất trên cả ba sàn giao dịch. Các cổ phiếu này có beta cao hơn nhóm BSC30, tuy nhiên vẫn thuộc top doanh nghiệp dẫn đầu trong các ngành Ngân hàng, Chứng khoán, Bảo hiểm, Xây dựng, Bất động sản, Vật liệu, Logistic, Dầu khí, Tiêu dùng, Công nghiệp, và Tiện ích (Điện, nước)... BSC 50 được các chuyên gia BSC đánh giá định kỳ hàng quý để đảm bảo rằng các cổ phiếu vẫn đáp ứng các tiêu chí được đưa ra. Danh sách BSC50 phù hợp với giai đoạn thị trường tăng trưởng và có tiềm năng cho các nhà đầu tư tìm kiếm cơ hội giao dịch trading ngắn hạn.

DANH SÁCH CÁC BÁO CÁO ĐẶC BIỆT BSC ĐÃ PHÁT HÀNH GẦN ĐÂY

STT	Tên báo cáo	Phân tích vĩ mô	Phân tích ngành	Link báo cáo
1	BSC Navigator T04.2026: FTSE Russell xác nhận lộ trình nâng hạng TTCK Việt Nam	x		Click
2	BSC Navigator 2026: Cập nhật dự báo Vĩ mô – Thị trường trong bối cảnh căng thẳng leo thang tại Trung Đông	x		Click
3	Equity 360 BÁO CÁO CHIẾN LƯỢC Q2.2026: KỶ NGUYÊN TĂNG TRƯỞNG MỚI - SÓNG LỚN HÓA RỒNG		x	Click
4	BSC Insight Căng thẳng Hoa Kỳ - Israel và Iran	x		Click
5	BSC Navigator T03.2026: Căng thẳng Hoa Kỳ, Israel - Iran	x		Click
6	BSC Navigator T02.2026: Thí điểm sàn giao dịch carbon	x		Click
7	BSC Navigator 2026: Đường dài mới biết ngựa hay	x		Click
8	Equity 360 BÁO CÁO CHIẾN LƯỢC 2026: KỶ NGUYÊN TĂNG TRƯỞNG MỚI - SÓNG LỚN HÓA RỒNG		x	Click
9	BSC Navigator T12.2025: Việt Nam trong chuỗi giá trị AI Hoa Kỳ	x		Click
10	BSC Navigator T11.2025: Quy hoạch Việt Nam giai đoạn 2026 - 2030	x		Click
11	BSC Navigator T10.2025: TTCK Việt Nam chính thức được nâng hạng - Dòng tiền khối ngoại tại châu Á	x		Click
12	BSC Insight Nâng hạng Thị trường Chứng khoán Việt Nam - Cận kề đích đến (Kỳ 3)	x		Click
13	BSC Navigator T09.2025: Nhìn lại các chu kỳ tăng trưởng của thị trường chứng khoán Việt Nam	x		Click
14	BSC Navigator T08.2025: Dòng vốn đầu tư trực tiếp / gián tiếp từ Trung Quốc sang Việt Nam	x		Click
15	Equity 360 Báo cáo ngành Q3.2025: Kỷ nguyên vươn mình		x	Click
16	BSC_ Báo cáo vĩ mô tháng 07/2025_Thuế quan – Các thông tin mới nhất từ Hoa Kỳ	x		Click
17	BSC_ Báo cáo vĩ mô tháng 06/2025_Đòn bẩy nội lực - Chiến lược tăng trưởng trong thời kỳ mới	x		Click
18	BSC_ Báo cáo ngành Q2.2025: Kỷ nguyên vươn mình		x	Click
19	BSC_ Báo cáo vĩ mô tháng 05/2025_Phát triển kinh tế tư nhân, nội lực tăng trưởng mới	x		Click
20	BSC_ Báo cáo vĩ mô tháng 04/2025_Cập nhật diễn biến cuộc chiến thuế quan 2025	x		Click
21	BSC_ Báo cáo vĩ mô tháng 03/2025_Nâng hạng thị trường chứng khoán Việt Nam	x		Click
22	BSC_ Báo cáo vĩ mô tháng 02/2025_Thương chiến 2.0	x		Click
23	Triển vọng VMTT 2025_Đổi mới 2.0 - Thách thức và Cơ hội	x		Click
24	BSC_Hoạt động hút ròng Tín phiếu NHNN và thị trường chứng khoán	x		Click
25	BSC_Nâng hạng thị trường chứng khoán Việt Nam	x		Click

KHUYẾN CÁO SỬ DỤNG

Bản báo cáo này của Công ty Cổ phần Chứng khoán BIDV (BSC), chỉ cung cấp những thông tin chung và phân tích về tình hình kinh tế vĩ mô cũng như diễn biến thị trường chứng khoán. Báo cáo này không được xây dựng để cung cấp theo yêu cầu của bất kỳ tổ chức hay cá nhân riêng lẻ nào hoặc các quyết định mua bán, nắm giữ chứng khoán. Nhà đầu tư chỉ nên sử dụng các thông tin, phân tích, bình luận của Bản báo cáo như là nguồn tham khảo trước khi đưa ra những quyết định đầu tư cho riêng mình. Mọi thông tin, nhận định và dự báo và quan điểm trong báo cáo này được dựa trên những nguồn dữ liệu đáng tin cậy. Tuy nhiên BSC không đảm bảo rằng các nguồn thông tin này là hoàn toàn chính xác và không chịu bất kỳ một trách nhiệm nào đối với tính chính xác của những thông tin được đề cập đến trong báo cáo này, cũng như không chịu trách nhiệm về những thiệt hại đối với việc sử dụng toàn bộ hay một phần nội dung của bản báo cáo này. Mọi quan điểm cũng như nhận định được đề cập trong báo cáo này dựa trên sự cân nhắc cẩn trọng, công minh và hợp lý nhất trong hiện tại. Tuy nhiên những quan điểm, nhận định này có thể thay đổi mà không cần báo trước. Bản báo cáo này có bản quyền và là tài sản của BSC. Mọi hành vi sao chép, sửa đổi, in ấn mà không có sự đồng ý của BSC đều trái luật. Bất kỳ nội dung nào của tài liệu này cũng không được (i) sao chụp hay nhân bản ở bất kỳ hình thức hay phương thức nào hoặc (ii) được cung cấp nếu không được sự chấp thuận của BSC.

© 2026 BIDV Securities Company, All rights reserved. Unauthorized access is prohibited.

Thông tin liên hệ - Trung tâm Phân tích Nghiên cứu

Trần Thăng Long

Giám đốc Trung tâm Phân tích - Nghiên cứu

Longtt@bsc.com.vn

Bùi Nguyên Khoa

PGĐ Trung tâm Phân tích Nghiên cứu

Vĩ mô – Thị trường

Khoabn@bsc.com.vn

Phan Quốc Bửu

PGĐ Trung tâm Phân tích Nghiên cứu

Ngành – Doanh nghiệp

Buupq@bsc.com.vn

Nhóm vĩ mô thị trường

Vũ Việt Anh

Chuyên viên phân tích

Anhvv@bsc.com.vn

Trần Thanh Tùng

Chuyên viên phân tích

Tungtt1@bsc.com.vn

Phạm Thanh Thảo

Chuyên viên phân tích

Thaopt1@bsc.com.vn

Nguyễn Giang Anh

Chuyên viên phân tích

Anhng@bsc.com.vn

Lưu Diễm Ngọc

Chuyên viên phân tích

Ngocld@bsc.com.vn

BSC Trụ sở chính

Tầng 8 & 9 LPB Tower

210 Trần Quang Khải, Phường Hoàn Kiếm, TP Hà Nội

Tel: (024) 3935 2722

Fax: (024) 2220 0669

Chi nhánh TP. Hồ Chí Minh

Tầng 4 & 9 Tòa nhà President Place

Số 93 Đường Nguyễn Du, Phường Sài Gòn, TP. HCM

Tel: (028) 3821 8885

Fax: (028) 3821 8879

Trung tâm Phân tích nghiên cứu

hn.ptnc@bsc.com.vn

Đối với Khách hàng tổ chức

hn.tvdt.khtc@bsc.com.vn

Đối với Khách hàng cá nhân

i-center@bsc.com.vn

Khu vực miền Bắc: (024) 39264 660

Khu vực miền Nam: (028) 38218 889

Website: <http://www.bsc.com.vn>